

CỘNG ĐỒNG GIÁO XỨ CỦA NGƯỜI CÔNG GIÁO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: TIẾP CẬN TIỂU VĂN HÓA

Tóm tắt: Giáo xứ Công giáo tại Tp. Hồ Chí Minh là một cộng đồng đa liên kết. Chúng thể hiện những nét chung của Công giáo ở Việt Nam, đồng thời mang dấu ấn riêng biệt của quá trình phát triển. So sánh với các loại cộng đồng khác tại đô thị, cộng đồng giáo xứ Công giáo cho thấy những nét văn hóa đặc thù. Nghiên cứu này đặt lại vấn đề về những quan điểm liên quan đến các cộng đồng đô thị trong xã hội hiện đại.

Từ khóa: Cộng đồng; Công giáo Việt Nam; giáo xứ; tiểu văn hóa.

Dẫn nhập

Các khái niệm cộng đồng (community)¹, nghiên cứu cộng đồng, lối sống đô thị, tiểu văn hóa đô thị (urban subcultures) đã được nhiều nhà xã hội học đề cập tới, từ những nhà nghiên cứu kinh điển, như: F. Toennies, É. Durkheim, G. Simmel cho đến trường phái Chicago những thập niên 1920-1940 với R. Park, E. Burgess, L. Wirth và các tác giả khác, như: R. Nisbet, R. Redfield. T. Parsons, R. Putnam... Những quan điểm gần đây nhất, như của D. Harvey, M. Castells, đã nối kết sự phát triển đô thị với xã hội rộng lớn hơn trong bối cảnh của chủ nghĩa tư bản công nghiệp.

Theo nhà xã hội học P. Berger, xã hội hiện đại với việc hình thành các đô thị được đánh dấu bởi sự tan rã của các cộng đồng. Ông viết: “Tính hiện đại liên quan đến sự suy yếu dần dần, nếu không muốn nói là sự tan rã của những cộng đồng tương đối cố kết, nơi mà, qua suốt phần lớn lịch sử, con người đã tìm thấy sự liên đới và ý nghĩa”². Các cộng đồng nông thôn đã có số phận như trên, vậy thì những cộng đồng tại đô thị sẽ thế nào?

* Khoa Xã hội học, Trường Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh.

Ngày nhận bài: 14/5/2019; Ngày biên tập: 21/5/2019; Duyệt đăng: 28/5/2019.

Một cộng đồng hình thành là do các mối liên kết xã hội. Cộng đồng là "... một tập hợp những mối quan hệ xã hội được thiết lập một cách đặc thù dựa trên những cái mà các thành viên cùng có chung - thường là một cảm thức chung về căn tính"³. Theo nghĩa trên, giáo xứ có đầy đủ tư cách là một cộng đồng, bởi lẽ "Giáo xứ là cộng đoàn tín hữu cư ngụ trong một địa hạt được thiết lập cách vững bền trong giáo phận, nhằm tập hợp Dân Chúa cùng nhau thi hành sứ vụ Chúa Kitô giao phó, là tế tự tôn thờ Thiên Chúa, học hỏi và loan truyền Tin Mừng, thực thi bác ái cộng đồng trong Giáo hội cũng như trong xã hội. Việc chăm sóc mục vụ giáo xứ được giám mục giáo phận ủy thác cho linh mục chính xứ"⁴.

Trong một xã hội rộng lớn, để duy trì sự tồn tại của mình, mỗi cộng đồng đều có những hoạt động, ứng xử, chuẩn mực, giá trị riêng hình thành nên cái được giới khoa học xã hội gọi là "tiểu văn hóa" (subculture), hay "văn hóa nhóm". Với ý nghĩa đơn giản nhất của nó, tiểu văn hóa nói đến những giá trị, niềm tin, thái độ và lối sống của một nhóm thiểu số trong một xã hội rộng lớn hơn. Văn hóa của nhóm người này khác biệt, mặc dù vẫn có liên hệ với văn hóa thống trị⁵. Marshall đề cập đến lý thuyết tiểu văn hóa (subcultural theory) như sau: "... Ý tưởng trung tâm của lý thuyết văn hóa nhóm là sự hình thành của những nhóm văn hóa như là một giải pháp, hay một quyết định tập thể cho những vấn đề nảy sinh từ những khát vọng bị ngăn trở của các thành viên hoặc từ vị thế không rõ ràng của họ ở bên trong xã hội rộng lớn hơn"⁶.

Mục tiêu của bài viết này là tìm hiểu một loại hình cộng đồng đặc biệt tại Tp. Hồ Chí Minh là các giáo xứ của người Công giáo với tư cách là cộng đồng, là tiểu văn hóa trong một không gian rộng lớn hơn. Bài viết đề cập đến quá trình hình thành, các mối dây liên kết và những biến đổi trong loại cộng đồng này và xem xét số phận của chúng có như tiên đoán của P. Berger hay không. Để thực hiện đề tài này, chúng tôi đã sử dụng phương pháp quan sát, phỏng vấn trên thực địa các giáo xứ, kết hợp với khảo cứu tài liệu thứ cấp.

Đề cập đến những cộng đồng giáo xứ tại Việt Nam phải kể đến những công trình nghiên cứu của Đỗ Quang Chính⁷ (2007a, 2007b);

giáo xứ ở miền Bắc với nghiên cứu của F. Houtard (1981)⁸; về thực hành tôn giáo và quan hệ xã hội tại các giáo xứ ở Tp. Hồ Chí Minh của Nguyễn Xuân Nghĩa (1990a, 1990b, 2010)⁹; của Viện Nghiên cứu Tôn giáo, của Nguyễn Hồng Dương (1992)¹⁰; về cơ cấu tổ chức của giáo xứ ở Đồng Nai và Rạch Giá (Nguyễn Đức Lộc, 2013)¹¹; về giới trẻ và gia đình các giáo xứ ở Xuân Lộc (Giáo phận Xuân Lộc, 2015)¹², và của Lê Minh Tiến (2018)¹³, v.v...

1. Sự hình thành các cộng đồng giáo xứ tại Tp. Hồ Chí Minh

Tài liệu lịch sử cho thấy, từ những năm 1641-1645, nhiều Kitô hữu chạy trốn các cuộc cấm đạo của chúa Nguyễn đã đến vùng Chợ Quán, Đông Phố (Gia Định), Cù Lao Phố, Lái Thiêu, Bến Gỗ để sinh sống, làm ăn đã tạo nên những cộng đoàn đầu tiên. Theo Linh mục Juan Antonio Arnedo (1660-1715), các thừa sai Dòng Tên đã đi theo những người di dân đến vùng đất Sài Gòn vào những năm cuối thế kỷ XVII. Khoảng năm 1700, giáo sĩ Emmanuel Quintao, Dòng Tên đã đến hoạt động ở Cù Lao Phố (Biên Hòa) và Chợ Quán, và năm 1723 đã giao lại cho giáo sĩ Francois José García. Nhà thờ Chợ Quán được xây dựng năm 1727 và nhà thờ Chợ Lớn năm 1730. Kế tiếp, việc cấm đạo của Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát (1738-1765) đã tạo một đợt di dân mới của những giáo dân từ miền Trung vào Nam.

Sau cuộc chiến giữa Tây Sơn và chúa Nguyễn, chúa Nguyễn Ánh lên ngôi năm 1802, nhờ tới sự giúp đỡ của Giám mục Pigneau de Behaime (Bá Đa Lộc), đã cho xây dinh Tân Xá gần rạch Thị Nghè, làm Tòa Giám mục. Năm 1820, Minh Mạng kế nghiệp Gia Long, ban hành những sắc dụ cấm đạo quyết liệt, nhưng ở miền Nam, nhờ sự bảo trợ của Tả Quân Lê Văn Duyệt, Tổng trấn Gia Định, giáo dân miền Nam bớt bị bách hại hơn. Năm 1832, Lê Văn Duyệt mất, một số ít giáo dân tham gia cuộc khởi nghĩa của Lê Văn Khôi, khiến triều đình Huế càng cấm đạo hơn: nhà thờ Chợ Quán bị phá hủy năm 1834, giáo dân phải dạt về miệt Gò Vấp, An Nhơn, Xóm Chiếu.

Bảng 1 Số liệu Tổng giáo phận TP Hồ Chí Minh (1963-2018)

	1963(a)	1974(b)	1984(c)	1995 (d)	2000(e)	2008 (f)	2018
Dân số		3.150000			5.063871	6.114.871	8.640.000 (2017)
Giáo dân	567.455	516.000	435.672	467.115	541.302	651.046	686.938 +300.000 nhập cư
Linh mục:				417	466	576	888
- giáo phận	583	416	416			316	355
- dòng	25	125	133			260	533
Nam tu sĩ	503	2.450	1558	383	745	945	1.263
Nữ tu sĩ	1936			701	2.674	3.110	4.861
Giáo xứ	263	159	176		231	231	203 chính + 30 họ lẻ
Đại chủng sinh		80		67	65	61	147 (giáo phận SG)
Tiểu chủng sinh		706			437	275	
Trường tiểu học	338 (991.870 học sinh)	195 (157.982 học sinh)					170 (nhà trẻ, mẫu giáo, lớp tình thương...)
Trường Trung học	56 (30.748 học sinh)	74 (89.050 học sinh)					
Trường kỹ thuật, chuyên nghiệp		5					
Đại học		1					
Cơ sở bác ái	28b.viện ; 100 cơ sở bác ái	66					79
Giáo lý viên:						5.243	8.250

Nguồn: Nguyễn Xuân Nghĩa (2010) và cập nhật số liệu 2018-2019.

- (a) Hội đồng Giám mục Việt Nam. (2004), *Giáo hội Công giáo Việt Nam. Niên giám 2004*. Hà Nội, Nxb Tôn giáo, tr. 695, 705;

- (b) Năm 1965, một phần của Giáo phận Sài Gòn được tách ra để thành lập hai giáo phận mới là Phú Cường và Xuân Lộc; *sđđ*, tr. 695.

- (c) Công giáo và Dân tộc. (1985) *Kỷ niệm 10 năm giải phóng hoàn toàn đất nước*, tr.36 ;

- (d) Trương Bá Cần (cb), *Công giáo Việt Nam – Sau quá trình 50 năm: 1975-1995*. Công giáo và Dân tộc.

- (e) Hiệp Thông, 10/2000, p.171-173;

- (f) Trang web của Hội đồng Giám mục Việt Nam: <http://v2.hdgmvietnam.org>; truy cập 13-10-2008.

- (g) Tòa Tổng Giám mục TP HCM, Sổ Tay 2019 ; <http://hdgmvietnam.com/chi-tiet/tgp-sai-gon-tp-hcm-31504>

Từ năm 1858, thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, đã làm nhiều giáo xứ bị tàn phá, giáo dân bị bắt. Sau khi Pháp chiếm thành Sài Gòn (2/1858), các cơ sở tôn giáo được xây dựng lại, như: nhà thờ Xóm Chiếu, dinh Tân Xá; nhiều họ đạo mới được thành lập, như: Chợ Quán, Cầu Kho, Chợ Lớn, Cầu Bông (Gia Định), Chí Hòa, An Nhơn, Gò Vấp, Hóc Môn, Bà Điểm, Tân Hưng. Năm 1877, nhà thờ Đức Bà được khởi công xây dựng. Năm 1924, Giáo phận Tông tòa Tây Đàng Trong¹⁴ được đổi tên thành Giáo phận Tông tòa Sài Gòn. Năm 1938, Tòa Thánh tách một phần đất thuộc giáo phận để lập Giáo phận Vĩnh Long (gồm các tỉnh Vĩnh Long, Bến Tre, Trà Vinh, Sa Đéc và một phần tỉnh Cần Thơ). Sau khi tách ra, Giáo phận Sài Gòn có 80 linh mục triều, 27 thừa sai, 12 linh mục dòng, 82.375 giáo dân chia thành 13 hạt, 58 giáo xứ và 152 họ lẻ.

Năm 1954, Giáo phận Sài Gòn đón nhận gần một triệu người di cư từ miền Bắc vào, trong đó có rất nhiều giáo dân. Một số giáo dân dừng chân ở Giáo phận Sài Gòn rồi sau đó định cư ở Rạch Giá, Tây Nguyên... Năm 1963, Giáo phận Sài Gòn có 567.455 giáo dân, 583 linh mục triều, 25 linh mục dòng, 503 nam tu sĩ, 1.936 nữ tu, 263 giáo xứ (họ chính) và 284 giáo họ (họ lẻ). Năm 1965, một phần của Giáo phận Sài Gòn được tách ra để thành lập hai giáo phận mới là Phú Cường và Xuân Lộc. Đến năm 1974, Giáo phận Sài Gòn có 516.000 giáo dân, phân bố trong 159 giáo xứ, 416 linh mục triều, 125 linh mục dòng, 2.450 tu sĩ nam nữ.

Như vậy, theo thống kê đến năm 2018, Giáo phận có 233 giáo xứ, bao gồm 203 giáo xứ chính và 30 họ lẻ (xem **Bảng 1**). Xét về thời gian, các giáo xứ chính được thành lập như sau: trước thế kỷ XX: 22 giáo xứ; từ 1900 đến 1953: 17 giáo xứ; từ 1954-1958: 71 giáo xứ - cho thấy ảnh hưởng của Công giáo miền Bắc di cư rất mạnh; 1958-1963: 30 giáo xứ; 1964-1975: 83 giáo xứ; sau 1976: 10 giáo xứ.

2. Giáo xứ như là cộng đồng đa liên kết và những đặc trưng văn hóa

2.1. Liên kết qua quá trình hình thành giáo xứ

Trước đây, trên những địa bàn chưa có giáo xứ, quá trình hình thành giáo xứ thường như sau: một số giáo dân cư ngụ gần nhau. Thoạt đầu sinh hoạt tôn giáo của họ chỉ mang tính gia đình hay liên gia. Dần dần khi số lượng giáo dân gia tăng và đã có những quan hệ quen biết nhau nhiều hơn và điều kiện vật chất khá hơn, họ sẽ cùng nhau xây cất một nhà thờ đơn sơ để làm nơi đọc kinh chung và nếu thuận tiện hơn sẽ có linh mục đến dâng lễ trong những dịp lễ trọng. Nhà thờ đóng vai trò rất quan trọng. Nếu trước đây, ở làng xã, ngôi đình là trung tâm sinh hoạt của làng xã, thì đối với giáo dân, nhà thờ là trung tâm sinh hoạt tôn giáo của họ. Và còn hơn thế nữa, nếu ngôi đình mỗi năm chỉ có hoạt động tế lễ xuân thu nhị kỳ, thì nhà thờ là nơi giáo dân đến thường xuyên, tối thiểu một lần/tuần.

Nhiều nơi có nhà thờ, nhưng không phải mọi nhà thờ đều có linh mục thường trú, vì trước đây số linh mục rất ít. Ví dụ, năm 1792,

Giám mục Bá Đa Lộc báo cáo về Thánh bộ Truyền giáo có rải rác khoảng 60.000 giáo dân, có 355 họ (giáo xứ, họ chính và họ lẻ) nhưng chỉ có 11 linh mục¹⁵. Và thông thường, khi các nhà thờ có linh mục thường trú thì trở thành họ chính.

Trước đây khi số linh mục còn quá ít, Công nghị Hải Phố (Hội An) năm 1672, ở điều 4 có ghi: “Nơi nào có nhiều bốn đạo mà không có linh mục, hoặc thầy giảng, kẻ giảng thì phải chọn một người khôn ngoan, đức hạnh để viếng thăm kẻ liệt, rửa tội cho trẻ thơ, hoặc những người gần sinh thì và phải gửi tên người đó về cho Giám mục hoặc Bề trên giáo phận... Và ông trùm là một bốn đạo giữ chức vụ trên”¹⁶. Và khi giáo xứ phát triển lên sẽ hình thành Ban Chức việc của giáo xứ, hay còn gọi Ban Trùm họ, Ban Quới chức, Hội đồng Giáo xứ... - là trung gian giữa linh mục xứ và giáo dân. Ban Chức việc ngày nay được gọi là Hội đồng mục vụ giáo xứ (HĐMVGX), mà ở Tổng Giáo phận Tp. Hồ Chí Minh, gần đây nhất có Quy chế về Hội đồng mục vụ giáo xứ năm 2015 do Tổng Giám mục Bùi Văn Đọc ký.

Như vậy sự hình thành của giáo xứ đòi hỏi có bốn yếu tố: *sự tụ cư của giáo dân, nhà thờ được xây dựng, có linh mục coi sóc và Ban điều hành giáo xứ.*

Số liệu thống kê về năm thành lập các giáo xứ ở trên cho thấy: trước năm 1954 chỉ có 39 giáo xứ, nhưng chỉ từ năm 1954-1958 đã có thêm 71 giáo xứ được thành lập do những giáo dân di cư từ miền Bắc vào, chiếm gần 2/3 tổng số giáo xứ trên địa bàn Sài Gòn. Như vậy, các giáo xứ ở Tp. Hồ Chí Minh có thể chia ra hai loại chính: các giáo xứ đã tồn tại từ lâu ở miền Nam và những giáo xứ có nguồn gốc từ miền Bắc di cư vào từ năm 1954. Trước đây, theo các tài liệu lịch sử, các giáo xứ ở Đảng Trong được gọi là “họ”, ví dụ: họ Gò Thị, họ An Chỉ, họ Lái Thiêu, họ Chợ Quán,... và ở Đảng Ngoài được gọi là xứ.

Từ “họ” trong nguyên ngữ có nghĩa là gia đình, họ hàng thân thích. Vậy ông cha ta ngày xưa dùng từ “họ” là muốn làm nổi bật lên sự liên kết chặt chẽ giữa các bốn đạo (= giáo dân) trong một họ. Ở miền Bắc dùng từ “xứ” thay cho từ “họ” ở miền Nam. Từ “xứ” trước đây chỉ một vùng hành chính rộng lớn, ví dụ: Thanh Hóa xứ, Nghệ An xứ, Hải Dương xứ... Trước đây, khi việc truyền giáo mới bắt đầu, số linh mục

rất ít nên mỗi linh mục coi sóc một xứ lớn như vậy. Sau này, khi số linh mục đông hơn, thì mỗi linh mục ở hẳn từng xứ nhỏ (= giáo xứ), và trong “Xứ” cho nhiều *họ*, hay *họ lẻ*¹⁷. Khi các giáo dân miền Bắc di cư vào Nam, họ muốn mang cả giáo xứ, giáo phận của mình đi theo nên có khi lấy nguyên tên giáo phận khởi nguồn đặt tên cho những nơi họ đến định cư: Giáo xứ Hà Nội, Hà Đông, Bùi Chu, Lạng Sơn, Thanh Hóa, Thái Bình (ở quận Gò Vấp), Phát Diệm (ở quận Phú Nhuận); hoặc ghép tên hai giáo phận gốc, như: giáo xứ Bùi Phát (quận 3); hoặc tên của một giáo phận gốc với tên địa phương nhập cư: Bùi Môn (Bùi Chu, Hóc Môn); hoặc lấy tên nguyên xi của các giáo xứ gốc, như: Kẻ Sặt, Hoàng Mai (Gò Vấp)...; hay lấy tên giáo xứ cũ và thêm từ “tân” (= mới), như: Tân Thái Sơn (Tân Phú) là kết hợp Tân Sơn Nhì - địa danh ở nơi đến và Thái Bình (miền Bắc), v.v... Họ không chỉ mang theo tên gọi của giáo xứ mà cả nghề nghiệp và những đặc trưng trong tổ chức và nghi lễ.

2.2. Liên kết kinh tế

Ở đô thị, gia đình không còn là đơn vị sản xuất. Đây là sự khác biệt giữa đô thị và nông thôn nói chung. Thế nhưng, do quá trình lịch sử, ở một số giáo xứ ở Tp. Hồ Chí Minh vẫn có những mối liên kết về kinh tế. Từ những năm 1954, nhiều họ đạo di cư từ miền Bắc vào mang theo cả nghề nghiệp ở quê quán vào phương Nam. Các giáo xứ Bình An, Bình Thái ở quận 8 nổi tiếng một thời với nghề dệt chiếu; các giáo xứ ở Tân Bình với nghề dệt nói chung. Các giáo xứ ở Gò Vấp với nghề làm pháo (trước đây) và chăn nuôi, và từ khi nghề làm pháo không còn được cho phép, nhiều hộ gia đình chuyển sang làm chả lụa. Họ liên kết, giúp đỡ nhau trong việc truyền nghề, tìm kiếm và phân chia thị trường tiêu thụ. Gò Vấp cũng nổi tiếng với giáo xứ Xóm Thuốc. Xóm Thuốc là nơi trồng cây thuốc lá, để mấy cụ già quần vào giấy quỳn hút, được gọi là thuốc rê Gò Vấp: “Thuốc Gò Vấp ngon lắm anh ơi/Giấy quỳn rộng khổ, anh bỏ tôi sao đành?”. Sau này Xóm Thuốc trồng cây thuốc lá cho hãng Bastos, Méliá của Pháp. Ngày nay, do đô thị hóa, Xóm Thuốc không còn trồng cây thuốc lá nữa.

Một số giáo dân ở các quận huyện vùng ven, như: Hóc Môn, Thủ Đức, Củ Chi trước đây vẫn trồng lúa. Và do việc tụ cư, vào những năm 1976-1988 của quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa, những người

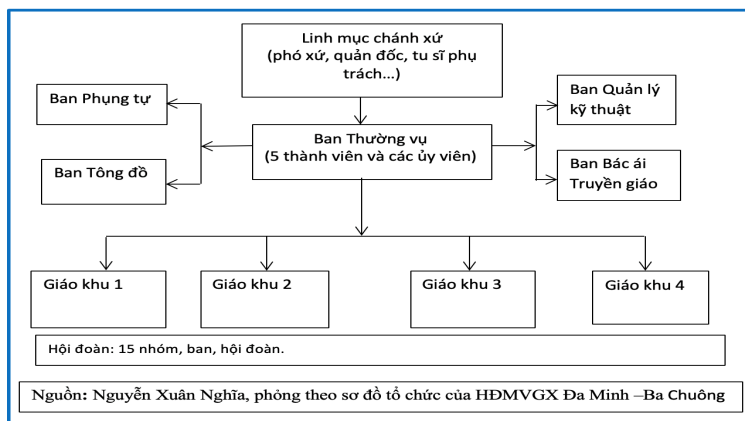
nông dân này đã cùng nhau vào các hợp tác xã nông nghiệp, tập đoàn thời đó. Cũng do tinh thần cần cù lao động, tính tập thể, hợp tác cao, nhiều hợp tác xã, tập đoàn hay tổ sản xuất đạt nhiều danh hiệu, như ở Thủ Đức có tập đoàn Gò, giáo xứ Chân Phước Cẩm, tập đoàn 7 xã Hiệp Bình, tập đoàn 19 xã Phú Hữu; Ở Hóc Môn có tập đoàn 5 xã Tân Thới Nhì; Ở Củ Chi có Hợp tác xã Tân Thành với các giáo dân xứ Bắc Hà, tập đoàn Ấp Đình; Ở quận 8 có Hợp tác xã Chiến Thắng, phường 9 với 60% là giáo dân; Ở Gò Vấp, giáo dân chiếm 80-85% số xã viên các hợp tác xã Thành Công, Quyết Tiến¹⁸. Nhưng hiện nay do quá trình đô thị hóa, mối liên kết kinh tế hầu như không còn tồn tại.

2.3. Liên kết về mặt tổ chức, hội đoàn và các sinh hoạt khác

Nói đến tiểu văn hóa là nói đến một tiểu hệ thống xã hội, nói đến tổ chức xã hội. Tiểu văn hóa gắn liền với một tiểu hệ thống xã hội trong một hệ thống xã hội và văn hóa rộng lớn hơn¹⁹.

Ngay khi hình thành, các giáo xứ đã có bộ máy quản lý riêng với tên gọi *Ban Chức việc* mà ngôn ngữ chính thức hiện nay gọi là *Hội đồng Mục vụ Giáo xứ* - là bộ phận trung gian giữa linh mục xứ và giáo dân. Trước đây, trong Ban Chức việc có các ông Trùm, ông Câu, ông Biện... thì nay Hội đồng Mục vụ Giáo xứ được tổ chức với Ban Thường vụ và các ủy viên. Ban Thường vụ bao gồm các chức vụ: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Nội vụ, Phó Chủ tịch Ngoại vụ, Thư ký, Thủ quỹ và các ủy viên (nếu cần thiết), với các vai trò nhiệm vụ được quy định rõ ràng.

Sơ đồ 1. Tổ chức Hội đồng mục vụ giáo xứ



Ngoài ra, “Nhằm tạo thuận lợi cho công tác mục vụ, địa hạt giáo xứ được chia ra ít nhiều giáo khu mà truyền thống các nơi gọi là xóm đạo, xóm giáo, giáo họ. Mỗi giáo khu có địa giới thích hợp cho công tác và sinh hoạt mục vụ của giáo xứ, có Ban điều hành gồm Trưởng ban, Phó ban, Thư ký, Thủ quỹ. Tùy quy mô giáo xứ lớn hoặc nhỏ mà toàn bộ Ban điều hành giáo khu, hoặc Trưởng ban điều hành giáo khu, là thành viên HĐMVGX” (Điều 7, Quy chế Hội đồng Mục vụ giáo xứ 2015). (Xem **Sơ đồ 1**). Các thành viên của khu giáo thường rất sâu sát với các hộ gia đình Công giáo ở trên địa bàn.

Các thành viên được chọn vào HĐMVGX là những người có uy tín, gương mẫu trong đời sống, phù hợp với giáo huấn và đường lối của Giáo hội, có tinh thần phục vụ, biết làm việc tập thể, có năng lực cần thiết cho chức vụ, như: sức khỏe, trình độ văn hóa, những kỹ năng chuyên môn; có thời giờ dành cho công việc chung, và như vậy, vô hình trung là những người tương đối khá giả về kinh tế. Bốn năm một lần, Hội đồng giáo xứ được giáo dân bầu một cách dân chủ bằng phiếu kín. Ở Tp. Hồ Chí Minh hiện nay, phổ biến hai cách bầu: hoặc là giáo dân trực tiếp bầu (như: giáo xứ Vườn Xoài, Tân Sa Châu...), hoặc là qua các đại diện các hội đoàn trong giáo xứ (như: Giáo xứ Đa Minh - Ba Chuông). Cách bầu thứ nhất có ưu điểm là trực tiếp, nhưng thường đại bộ phận giáo dân không biết rõ những người được đề cử. Cách thứ hai, số lượng người bầu ít hơn, nhưng đánh giá sâu sát hơn các ứng cử viên. Trong các giáo xứ gốc Bắc, những giáo dân có uy tín rất thích, kể cả vận động, được bầu vào HĐMVGX, nhưng ở những giáo xứ gốc Nam, hay giáo dân gốc Nam, đôi lúc phải có áp lực lớn mới chịu đảm nhận những chức vụ trong HĐMVGX. Một số giáo xứ theo mô hình tài chính công khai do Ban Thường vụ HĐMVGX quản lý toàn bộ hay một phần (chẳng hạn, giáo xứ Vườn Xoài, Hà Đông, Hạnh Thông Tây,...).

Về khía cạnh giới tính, cũng có sự hiện diện của nữ giới trong HĐMVGX, nhưng thường nắm giữ chức vụ thủ quỹ, thư ký. Cũng có trường hợp Chủ tịch HĐMVGX là nữ giới, như trường hợp giáo xứ Tân Định hay là Phó chủ tịch như ở các giáo xứ Phanxicô Đa Kao (quận 1), Khiết Tâm (Tân Bình).

Ngoài sự liên kết tổ chức theo chiều dọc như nêu trên, giáo xứ còn có liên kết của các hội đoàn. Các hội đoàn thường được tổ chức theo lứa tuổi, giới tính, hay hoạt động chuyên biệt. Thông thường trong các giáo xứ có các hội đoàn sau: Thiếu nhi Thánh thể, Hùng Tâm Dũng Chí, Hướng đạo Công giáo, Giới trẻ con Đức Mẹ, Hiệp hội Thánh Mẫu, Legio Mariae, Các Bà mẹ Công giáo, Liên minh Thánh Tâm, Huynh đoàn Đa Minh, Phan Sinh Tại thế, Dòng Ba Cát Minh, Hiệp hội Giáo dân Bác ái, Caritas Việt Nam, Khôi Bình Việt Nam, Gia đình cùng theo Chúa, Gia đình Chúa²⁰. Nhưng tùy theo điều kiện của từng giáo xứ, số lượng các hội đoàn hoạt động không đồng đều. Các hội đoàn đều có linh mục linh hướng. Lấy giáo xứ Đa Minh - Ba Chuông làm ví dụ, ở đây có các hội đoàn: Huynh đoàn giáo dân Đa Minh (cả nam, nữ), Hội các Bà mẹ Công giáo (nữ, 66 hội viên), Hội đoàn Legio Mariae (nam, nữ, 98 hội viên hoạt động, 326 hội viên tán trợ); Đoàn Thiếu nhi Thánh thể (2 giới, 900 thiếu nhi từ 5-18 tuổi; 80 giáo lý viên; có thánh lễ riêng ngày Chúa nhật); Nhóm phục vụ Martino (29 nữ); Nhóm Bác ái xã hội (Gia đình Truyền tin, khoảng 50 thành viên nam nữ); Ban Caritas giáo xứ (2 giới, 15 hội viên có kỹ năng chuyên môn); nhóm kinh thánh cầu nguyện (2 giới, hơn 40 thành viên); Hội kính lòng Chúa thương xót (nam, nữ, khoảng 30 thành viên); Nhóm sinh viên nhịp bước Đa Minh (nam, nữ, khoảng 30 thành viên, có giờ cầu nguyện Taizé); Nhóm kinh Mân Côi (khoảng 30 thành viên, đa số là nữ); Ban Truyền thông, Ban Mỹ thuật Đa Minh (với sự tham gia của khoảng 30 nghệ sĩ, tổ chức trên 20 cuộc triển lãm, mỗi lần trên dưới 100 tác phẩm tranh, ảnh, tượng, điêu khắc); Ban Truyền thông (phụ trách trang web: gxdaminh.net, video cho các bài giảng, 2 thành viên).

Ngoài ra, một số giáo xứ kết hợp với các dòng tu còn tổ chức các lớp học về thần học dành cho giáo dân (Mai Khôi, Ba Chuông), các lớp học về nhạc lý, đào tạo ca trưởng; các lớp ngoại ngữ (Trung tâm Đắc Lộ, quận 3).

Một số giáo xứ - như Nhà thờ Đức Bà, Tân Định, Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp - có nhà sách bán các ấn phẩm tôn giáo, các sách về triết học, đạo đức, luân lý, sách dạy làm người.

Như đã trình bày ở trên, các liên kết về mặt tổ chức trên địa bàn giáo xứ rất chặt chẽ, đậm đặc. Các mối liên kết này càng được củng cố và phát triển trong thời đại Internet hiện nay. Rất nhiều giáo xứ có trang web riêng, và các hình thức thể hiện liên kết trên blog, trên facebook, ví dụ: trang web của giáo xứ Tân Việt (Tân Bình), giáo xứ Hà Nội (Gò Vấp)...; các trang blog của giáo xứ Tân Định (quận 3), giáo xứ Nam Thái (hạt Chí Hòa)...; trên facebook của các giáo xứ Mai Khôi (quận 3), Phú Lộc (Phú Nhuận), Thị Nghè (Bình Thạnh), Xóm Thuộc (Gò Vấp), Mỹ Hòa (quận 2), Thủ Đức... Các giới thanh niên, sinh viên cũng có những trang web riêng, như “Giới Trẻ giáo xứ Thạch Đà” (Gò Vấp), “Sinh viên Mai Khôi” (quận 3), “Sinh viên Nhịp bước Đa Minh” (Phú Nhuận)... Nội dung các trang web nói trên thường đặt trọng tâm vào việc tìm hiểu Lời Chúa, gắn liền với lịch phụng vụ, hay mang tính thông tin: về hoạt động hội đoàn, lễ lạt, bản tin giáo xứ, hoặc mang tính giải trí qua các video nhạc, phim ảnh liên quan đến tôn giáo.

2.4. Liên kết về hoạt động nghi lễ

Đây là mối liên kết quan trọng bậc nhất của các giáo xứ, bởi lễ nghi lễ là một trong ba yếu tố then chốt của Công giáo nói riêng. “Ba yếu tố này là: 1) Đức tin/niềm tin/tín điều; 2) Nghi lễ, và 3) Sống đạo. Người Công giáo cũng thường nói tới ba yếu tố này trong một câu ngắn gọn: tin, cử hành lòng tin và sống lòng tin”²¹. Các nghi lễ chính yếu được gọi là bí tích. Có bảy bí tích tất cả. Đó là các bí tích: Thanh tẩy (Rửa tội), Thánh thể, Hòa giải (xưng tội), Thêm sức, Hôn phối, Xức dầu kẻ liệt, Truyền chức Thánh.

Đi lễ (Bí tích Thánh thể, đặc biệt là đi lễ ngày Chúa nhật) được một số nhà nghiên cứu Tây phương xem là tiêu chí để phân loại: các tín đồ thực hành (pratiquant), thỉnh thoảng thực hành (pratiquant irrégulier) và không thực hành (non pratiquant). Những số liệu về thực hành mới nhất ở các nước phương Tây cho thấy ở Pháp chỉ khoảng 5%, ở Italia chỉ 25% tín đồ Công giáo thuộc loại thực hành thường xuyên. Hay ở một quốc gia châu Á có hơn 80% dân số là tín đồ Công giáo như Philippines, thì nơi đây, tỷ lệ phần trăm đi lễ ngày Chúa nhật là 60, 9%; ở Hàn Quốc là 59%. Có thể nói rằng, các số liệu nghiên cứu của

Nguyễn Xuân Nghĩa (1990, 2010), của Nguyễn Hồng Dương (1992), của Viện Nghiên cứu Tôn giáo và Đặng Nghiêm Vạn (2001), của Giáo phận Xuân Lộc (2015)... cho thấy tỷ lệ thực hành tôn giáo của người Công giáo ở Việt Nam thuộc loại cao nhất thế giới²². Và tỷ lệ đi lễ ngày Chúa nhật của người Công giáo tại Tp. Hồ Chí Minh là từ khoảng 89% đến 98%, thuộc loại cao nhất ở Việt Nam.

Mỗi ngày, tại nhà thờ giáo xứ đều có thánh lễ. Lấy ví dụ, giáo xứ Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp (quận 3), mỗi ngày có 3 thánh lễ, ngày Chúa nhật có 9 thánh lễ. Giáo xứ Đa Minh - Ba Chuông mỗi buổi sáng có hai thánh lễ (5h, 5h45) và ban chiều có một thánh lễ vào lúc 5h30. Mỗi Chúa nhật có 8 thánh lễ, trong đó có một thánh lễ dành cho thiếu nhi và một thánh lễ bằng tiếng Anh, với tổng cộng khoảng 8.000 người tham dự, trong khi cả giáo xứ có 2.300 giáo dân. Điều này có nghĩa là trong giáo xứ có sự tham dự của các giáo dân di cư chưa đăng ký chính thức và giáo dân từ các xứ khác đến. Ngày nay, với việc sử dụng máy chiếu (projector), các màn hình đặt ở nhiều vị trí thuận lợi, tất cả người tham gia lễ có thể cùng nhau đọc lên các lời nguyện, cùng ca hát tạo một nên một bầu khí vừa linh thiêng vừa hiệp thông.

Giáo xứ gắn liền với chu kỳ nghi lễ trong đời người. Từ khi được sinh ra, thông thường sau một tháng, trẻ sơ sinh chịu nghi lễ rửa tội tại giáo xứ²³. Từ 6 tuổi, các em theo học các lớp giáo lý để được rước lễ lần đầu; rồi các em tiếp tục học giáo lý để chịu Phép Thêm sức. Lớn lên (điều này không bắt buộc), nhiều em tiếp tục học thêm giáo lý với các anh chị giáo lý viên. Trước khi kết hôn, thanh niên nam nữ tham dự các lớp giáo lý hôn nhân và chịu Bí tích Hôn phối. Khi đã lớn tuổi và trước khi từ giã cõi đời, người giáo dân chịu Bí tích Xức dầu kẻ liệt. Tại một số giáo xứ, “các Cha thăm viếng và cho bệnh nhân đón nhận Minh Thánh Chúa vào các thứ Sáu đầu tháng tại từng gia đình, ngoài ra nếu bệnh nhân có yêu cầu, các nữ tu và thừa tác viên sẽ cho bệnh nhân đón nhận Minh Thánh Chúa vào mỗi sáng Chúa nhật tại gia đình” (ví dụ, giáo xứ Bình Thái, quận 8).

Trước đây, một số giáo dân chọn lựa cho mình nơi an nghỉ cuối cùng là nghĩa trang của giáo xứ. Nhưng từ sau năm 1975, các giáo xứ rất khó được cấp phép mua đất xây nghĩa trang. Từ đây xuất hiện

trong khuôn viên rất nhiều giáo xứ các “Nhà lưu giữ hài cốt” (giáo xứ Tân Việt, Tân Bình), “Nhà An nghỉ” (giáo xứ Gia Định, Bình Thạnh), hay các “Tù đường Phục sinh” (giáo xứ Đa Minh - Ba Chuông, Phú Nhuận) là nơi lưu giữ hài cốt của các giáo dân đã qua đời. Nhiều dòng họ chọn nhà An nghỉ của một giáo xứ cho những người thân của mình để dễ dàng trong việc thăm viếng.

Ngày lễ Giáng sinh, các giáo xứ đều có hang đá, máng cỏ. Trên các phương tiện truyền thông đại chúng, người ta đã chứng kiến suốt gần một cây số trên con đường Phạm Thế Hiển (quận 8) được trang hoàng lồng đèn và máng cỏ chạy dài dọc các giáo xứ Bình An, Bình Thái. Nhân dịp Mùa Chay và Phục sinh hàng năm, ở các giáo xứ gốc Bắc tái hiện lại cảnh Thương khó Tử nạn của Chúa Giêsu, tổ chức ngắm nguyện Mùa Chay, bao gồm: Ngắm Quỳ, Ngắm Răng, Ngắm Đứng, Ngắm Dầu Đanh, Giảng Sự Thương Khó, Than Dầu Đanh, Than Văn Mồ (giáo xứ Bình Thái)²⁴. Hình thức mang đậm tính chất diễn xướng dân gian này cho thấy sự hội nhập văn hóa của Công giáo tại Việt Nam đã tồn tại ngay từ thời giáo sĩ Đắc Lộ.

Ngoài các nghi lễ ở cấp giáo xứ, mỗi khu giáo đều có lễ bốn mạng riêng. Ngoài ra, tại một số giáo xứ, như ở Xóm Mới, hay Bình An, một số gia đình trong khu giáo còn đọc kinh tối chung, đặc biệt vào các tháng 5 (tháng Hoa), tháng 10 kính Đức Mẹ Mân Côi, hay tháng 3 kính Thánh Giuse, hoặc là đọc kinh chung theo ý nguyện của gia đình²⁵. Các thành viên của khu giáo cũng tổ chức đọc kinh tại gia đình của người vừa qua đời.

Không chỉ là trung tâm của các nghi lễ tôn giáo, mà vào những ngày lễ hội cổ truyền của dân tộc, như Tết Nguyên Đán, trong khuôn viên nhà thờ giáo xứ, như ở giáo xứ Phanxicô Đa Kao, Đa Minh - Ba Chuông, Mai Khôi, còn có hình dáng của cây nêu và cờ phướn bên cạnh những mô hình tái diễn cảnh thầy đồ viết câu đối, và những chiếc bánh chưng, bánh giầy, những cây mai vàng với các gói lì xì là lộc thánh (những câu chúc lấy từ Kinh Thánh), hay hình ảnh vị linh mục chính xứ trong lễ phục cổ truyền áo dài, khăn đóng làm lễ giao thừa, lễ đầu năm và chúc tết bà con giáo dân (giáo xứ Phanxicô Đa Kao).

2.5. Giáo xứ: liên kết về an sinh xã hội

Đã từ lâu, khi các giáo xứ vừa được hình thành, linh mục đều quan tâm đến những nhu cầu an sinh của giáo dân. Đó là các nhu cầu học hành của con em trong giáo xứ, nhu cầu chăm sóc sức khỏe nói chung của giáo dân và nhu cầu giúp đỡ những thành phần chịu sự thiệt thòi trong xã hội.

Trang “Lược sử giáo xứ Gia định” cho thấy giáo xứ đã có 12 đời các linh mục coi sóc, đã viết: “... Cha sở thứ hai Desseume lo xây dựng trường học và cho đào một lạch nhỏ nối rạch Cầu Bông với Chợ Bà Chiểu để giảm ngập và nâng cao nhà thờ, ngày nay con lạch vẫn còn... Hiện nay, bên trong khuôn viên nhà thờ Gia Định có một trường học, tuy đang được Nhà nước quản lý nhưng đó chính là ngôi trường Bossuet do cha sở thứ chín Giacôbê Huỳnh Văn Cửa lập ra. Sau đó cha Antôn Mạnh cho xây lại, đặt tên là Thánh Mẫu dành cho học sinh trung học và tiểu học... Cha sở Inhaxiô Hồ Văn Xuân... đã xây dựng ba nhà thờ: Thánh Giuse Thợ, Thánh Mẫu 3, Đức Mẹ Lên Trời và xây dựng trường kỹ thuật...”²⁶.

Lịch sử giáo xứ di cư được thành lập năm 1954 - giáo xứ Mỹ Hòa ở quận 2, cũng cho thấy: Sau khi giáo dân đã định cư ổn định, năm 1957 “... Trong Giáo xứ, Cha Đa Minh [Vũ Bội Quỳnh] có xây dựng trường tiểu học lấy tên Xuân Phong. Trường có 7 phòng với các lớp 1,2,3,4,5 do Thầy Giuse Nguyễn Ngọc Lưu làm hiệu trưởng...”²⁷.

Năm 1963, Giáo phận Sài Gòn có 56 trường trung học với 30.748 học sinh và 338 trường tiểu học với 91.870 học sinh, 28 bệnh viện với 4.874 giường bệnh (Hội đồng Giám mục Việt Nam, 2004, tr. 695.). Đến năm 1974, Giáo phận có 195 trường tiểu học và sơ cấp với 157.982 học sinh; 74 trường trung học với 89.050 học sinh; 5 trường kỹ thuật và chuyên nghiệp, 1 đại học (Minh Đức)²⁸; 66 cơ sở xã hội, bác ái²⁹.

Từ tháng 10 năm 1975, với chủ trương “cải tạo xã hội chủ nghĩa”, các cơ sở giáo dục, xã hội của Giáo phận Sài Gòn đều giao lại cho nhà nước quản lý³⁰. Từ khi Nhà nước thực hiện Đổi Mới (1986), trong khuôn viên các giáo xứ lại xuất hiện các lớp học tình thương. Và mô

hình “Lớp học tình thương” lần đầu tiên xuất hiện năm 1989, dành cho con em những gia đình nghèo, di dân và trẻ em “bụi đời” hình thành trước hết ở Tp. Hồ Chí Minh, do cô Tổng Thị Kim Lộc, giáo dân giáo xứ Chợ Đũi (quận 1) phụ trách. Một mô hình giáo dục đặc biệt khác là trường cam điếc dân lập dành cho các em dưới 8 tuổi, được thành lập từ tháng 7 năm 1986 do một nữ giáo dân xứ Bắc Hà (quận 10)³¹. Hiện nay, ở các giáo xứ có hơn 25 lưu xá dành cho sinh viên, ngoài ra còn có các quán cơm xã hội, các hoạt động giúp đỡ học sinh mùa thi đại học, các hoạt động giúp đỡ người khuyết tật (giáo xứ Đa Minh - Ba Chuông, Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp,...).

Theo số liệu thống kê năm 2018, trên địa bàn các giáo xứ, với sự cộng tác của các dòng tu, có 170 cơ sở giáo dục (nhà trẻ mẫu giáo - lớp tình thương - cơ sở dạy nghề); 63 cơ sở từ thiện (cô nhi viện, nhà dưỡng lão và nhà khuyết tật); 16 cơ sở y tế (trạm xá, phòng khám), trong đó có nhiều cơ sở khám bệnh miễn phí, như: Phòng Khám bệnh từ thiện Nhà thờ An Tôn (quận 1); Phòng Khám bệnh và tư vấn miễn phí cho các bệnh nhân nhiễm HIV/AIDS giáo xứ Mai Khôi (quận 3); Phòng khám Đa khoa Thánh Tâm Tân Định trong khuôn viên nhà thờ (quận 3), miễn phí cho bệnh nhân nghèo; Phòng khám Nhân Đạo nhà thờ Cha Tam (quận 5); Phòng khám Nhân Đạo nhà thờ Chợ Quán (quận 5),...³².

3. Vài nét so sánh cộng đồng giáo xứ tại Tp. Hồ Chí Minh với một số loại hình cộng đồng đô thị khác

Các tài liệu nghiên cứu thực tế về các cộng đồng đô thị tại Tp. Hồ Chí Minh không nhiều và thường không theo một chuẩn mực chung để có thể so sánh. Tuy nhiên, năm 1998, chúng tôi đã thực hiện một nghiên cứu nhỏ, theo một đề cương chung để có thể so sánh, bao gồm bốn cộng đồng: Cộng đồng Bình An, gồm giáo xứ Bình An, Bình Thái (quận 8), cộng đồng Bảy Hiền với những người làm nghề dệt gổc Quảng Nam (Tân Bình), chung cư Hạnh Phúc (quận 5) và chung cư Lý Chính Thắng (quận 3)³³.

Từ cuộc nghiên cứu trên, có thể rút ra một số nhận định. Mặc dù đều là bốn cộng đồng đô thị hiện nay, nhưng dân cư hai cộng đồng Bình An và Bảy Hiền (sau đây gọi đơn giản là hai cộng đồng) ít nhiều còn lưu giữ những nét của cộng đồng nông thôn truyền thống. Trong

khi dân cư hai chung cư Hạnh Phúc và Lý Chính Thắng (sau đây gọi đơn giản là hai chung cư) thể hiện một lối sống đô thị và hiện đại. Có thể nêu lên một số khác biệt³⁴:

Về thời gian định cư: Hai cộng đồng có thời gian định cư từ lâu, trên 40 năm; trong khi hai chung cư chỉ từ 20 năm trở lại đây (so với năm thực hiện cuộc nghiên cứu là 1998).

Về nguồn gốc dân cư: Ở hai cộng đồng: dân cư ít nhiều cùng nguồn gốc; ở hai chung cư: nguồn gốc đa dạng.

Về nghề nghiệp: ở hai cộng đồng: làm nghề thủ công và tiểu thủ công nghiệp; ở hai chung cư: dịch vụ và thương mại.

Về thu nhập: ở hai cộng đồng: nói chung là thấp; ở hai chung cư: tương đối khá.

Về gia đình: ở hai cộng đồng: chịu ảnh hưởng của dòng họ và gia đình mở rộng; ở hai chung cư: gia đình hạt nhân.

Về quan hệ xã hội: ở hai cộng đồng: quan hệ láng giềng; ở hai chung cư: quan hệ láng giềng không nhiều, tập trung vào quan hệ gia đình nhỏ.

Về văn hóa: ở hai cộng đồng: có lễ lạt, hội họp tập thể; ở hai chung cư: vắng bóng lễ lạt chung.

Về tôn giáo, tín ngưỡng: ở hai cộng đồng: có vai trò quan trọng; ở hai chung cư: vai trò ít, hay hầu như là không, tỷ lệ người không tôn giáo cao.

Về định hướng giá trị: ở hai cộng đồng: đề cao giá trị đạo đức; ở hai chung cư: đề cao giá trị vật chất.

Cả hai loại cộng đồng trên đều tồn tại trong không gian đô thị, do đó không nên có cái nhìn giản đơn về các cộng đồng ở đô thị. Đô thị như là một tác phẩm mô-sa-ic, mà mỗi mảnh đều có những nét độc đáo riêng cần tìm hiểu cụ thể.

Hai chung cư nêu trên thể hiện một số nét của tinh thần hiện đại, ví dụ: sự tách biệt giữa nơi làm việc và nơi cư trú, thái độ khách quan đối với các quan hệ xã hội, tôn trọng cá nhân. Nhưng ở đó tính liên đới yếu, dân cư chỉ quan tâm những vấn đề vật chất, như cải thiện cơ sở hạ tầng, nâng cao những dịch vụ chung. Trong khi hai cộng đồng vẫn

còn giữ nhiều nét truyền thống do những yếu tố về nguồn gốc di dân, nghề nghiệp, tôn giáo,... Dĩ nhiên ở đây tinh thần tập thể cao hơn, nhưng cũng có những hạn chế như sản xuất trong địa bàn dân cư đưa đến ô nhiễm, tư duy vùng miền, v.v...

4. Lối sống đạo trong cộng đồng giáo xứ - những giá trị văn hóa và vốn xã hội

4.1. Những giá trị văn hóa

Tại sao các giáo xứ không chỉ đặt trọng tâm vào nghi lễ tôn giáo, không khu biệt vào niềm tin tôn giáo bên trong mà còn có nhiều hoạt động trên nhiều lĩnh vực giáo dục, y tế, xã hội? Câu trả lời, dưới góc độ xã hội học, là nhằm tạo uy tín xã hội. Tuy nhiên, cần tìm hiểu sâu hơn cảm thức tôn giáo của chính giáo dân. Người Công giáo xác định rõ rằng: “Đức tin không có việc làm là đức tin chết”. Niềm tin tôn giáo của họ phải thể hiện qua hành động bác ái, như lời giáo huấn: “... Những gì các người đã làm cho một trong các anh em bé mọn nhất của Ta đây, là các người đã làm cho chính Ta” (Mt, 25: 31-46).

Khác với tâm thức của người Tây phương - nhất là ở châu Âu và đặc biệt là Pháp - xem tôn giáo là một vấn đề riêng tư của cá nhân, người Công giáo Việt Nam, với truyền thống trọng nghi lễ (ritualism) kế thừa từ Nho giáo, muốn biểu lộ rõ ràng căn tính tôn giáo của mình, giữ đạo là tuyên xưng đức tin của mình cho mọi người biết, thể hiện qua việc đeo ảnh tượng, tràng hạt trên người, làm dầu thánh trong bữa ăn chung với người khác; trong gia đình thì lập bàn thờ trang trọng với nhiều tượng ảnh; những gia đình có điều kiện thì đặt tượng Chúa, Đức Mẹ cỡ lớn trước sân nhà, trên ban-công hay trên sân thượng để mọi người có thể nhìn thấy.

Chính vì vậy, trước năm 1975, Công giáo ở miền Nam và đặc biệt ở Giáo phận Sài Gòn, với sự phát triển mạnh mẽ và ngoạn mục trên cả bình diện chính trị và xã hội, vô hình trung đi đến thái độ mà nhiều người người đã phê phán là “chủ nghĩa đắc thắng” (Triumphalisme). Linh mục Piero Gheddo đã cho thấy người Công giáo dưới chế độ Ngô Đình Diệm đã có những đặc quyền, đặc lợi. “Cám dỗ về một chủ nghĩa đắc thắng là rất mạnh và toàn bộ Giáo hội (miền Nam), chỉ trừ ít trường hợp ngoại lệ, đã rơi vào cơn cám dỗ trên”³⁵. Gheddo cũng giải

thích thái độ đặc thắng trên là do có được một nguyên thủ quốc gia theo Công giáo, sau hàng thế kỷ bị loại trừ ra bên lề xã hội và do “tâm lý của người Á Đông rất chuộng hình thức bên ngoài và đề cao tổ chức”. Linh mục Trần Tam Tinh, sau này, cũng đã gọi giáo hội ở miền Nam là một “giáo hội đặc thắng” (“Eglise Triomphale”)³⁶.

Nhưng sau 1975, các cơ sở giáo dục, xã hội của người Công giáo đều “công lập hóa”, đặt dưới sự quản trị của nhà nước. Giáo hội không còn các phương tiện bên ngoài để truyền bá và thể hiện những giá trị tôn giáo mình đã chọn lựa. Có tác giả gọi đây là cơ hội để người Công giáo “thanh tẩy”, “làm thanh sạch”, không còn đồng hóa việc phát triển niềm tin với bành trướng ảnh hưởng chính trị - xã hội, là “cơ hội cho Giáo hội sống tinh thần khó nghèo và phục vụ”³⁷. Nhưng những giá trị tôn giáo - bác ái, yêu thương, phục vụ tha nhân - vẫn luôn thúc đẩy, do đó khi Đổi Mới (1986), ở các giáo xứ lại hình thành nên các “lớp học tình thương”, các cơ sở, hoạt động xã hội giúp đỡ những người gặp khó khăn, chịu những thiệt thòi nhất trong xã hội.

Trong bức tranh chung đó, các hoạt động của HĐMVGX, của các hội đoàn còn mong muốn thể hiện tinh thần của một giáo hội tham gia, hiệp thông, muốn nhanh chóng rời bỏ những lối ứng xử mang tính “giáo sĩ trị” trước đây, với những lối hành xử “quan liêu”, “bao cấp”. Cả lãnh đạo tôn giáo ở giáo xứ và giáo dân đều ý thức rằng, trong việc đổi mới hoạt động của giáo hội, không có kiểu canh tân một chiều của riêng giáo sĩ hay giáo dân, mà tất cả hoạt động đều đòi hỏi tính tập thể, bàn bạc trong tinh thần trách nhiệm chung.

Kiến trúc nhà thờ giáo xứ, các nghi lễ ở giáo xứ thể hiện một tinh thần hội nhập văn hóa Kitô giáo vào nền văn hóa Việt Nam. Đây là một chủ đề lớn cần có nghiên cứu riêng. Nhưng có thể nói rằng, các giáo xứ ở miền Nam đã chịu ảnh hưởng tinh thần “Canh tân và nhập thể” của Công đồng Vatican II, và sau này chịu ảnh hưởng của Thư chung 1980 của Hội đồng Giám mục Việt Nam về việc “Xây dựng trong Hội Thánh một nếp sống và một lối diễn tả Đức tin phù hợp hơn với truyền thống Dân tộc”. Do đó, có thể hiểu được các hình thức thể hiện mang nét văn hóa dân tộc trong nghi lễ, kiến trúc, nghệ thuật và hoạt động của người Công giáo³⁸.

Những nét văn hóa chung nêu trên của người Công giáo Việt Nam, của người Công giáo tại Tp. Hồ Chí Minh không phủ nhận những nét riêng biệt của các giáo xứ gốc Bắc, gốc Nam ở đây. Những giáo xứ gốc Bắc do yếu tố tụ cư trên một không gian nhất định đã cho phép tổ chức, bảo lưu những nét truyền thống trong nghi lễ mà có một thời bị phê bình là “hình thức bên ngoài”, là “vết tích của văn hóa làng xã”. Nhưng cái bị xem là hạn chế nay lại trở thành cái ưu điểm khi không gian đô thị càng mang tính toàn cầu, đưa lại nguy cơ xóa nhòa những đặc trưng của các tiểu văn hóa. Những “hạn chế” của truyền thống hôm qua lại giúp giữ gìn cái bản sắc của văn hóa tôn giáo ngày hôm nay.

4.2. *Vốn xã hội*

Nếu vốn xã hội (social capital) được hiểu là tập hợp mạng lưới các quan hệ xã hội, là những giá trị, chuẩn mực, sự tin cậy, hay nói rộng ra là các nguồn lực xã hội giúp một nhóm xã hội hoạt động có hiệu quả thì giáo xứ gắn chặt với vốn xã hội. Theo sự phân loại của R. Putnam (2000)³⁹, thì giáo xứ có loại “vốn xã hội ràng buộc” (bonding social capital) của những người cùng tôn giáo, nhưng đồng thời tạo ra “vốn xã hội bắc cầu” (bridging social capital) qua các liên kết mở với những nhóm người khác trong xã hội.

Như đã trình bày ở trên, các mối liên kết đậm đặc trong các giáo xứ giúp tạo ra tinh thần liên đới. Các giáo xứ là những cộng đồng chặt chẽ, nhưng không khép kín. Do không gian đô thị không có ranh giới rõ rệt với “lũy tre làng” như xưa kia, nên các giáo xứ là những cộng đồng mở. Một nghiên cứu năm 1990, cho thấy khoảng 30% giáo dân - đại bộ phận là thanh niên - đi lễ ở nhà thờ ngoài giáo xứ. Họ đi bất cứ nhà thờ nào có linh mục giảng lễ có nội dung thu hút, ở bất kỳ giáo xứ nào có sinh hoạt và bầu không khí lôi cuốn⁴⁰; rất nhiều ca đoàn phục vụ tại giáo xứ không phải là những ca đoàn của giáo xứ, ví dụ ở giáo xứ Mạc-Ti-Nho quận 1 có 5 ca đoàn, nhưng 3 ca đoàn từ nơi khác đến tham gia. Về hôn nhân, chỉ có 16% các cuộc hôn nhân xảy ra giữa người nam và nữ trong cùng xứ đạo; tỷ lệ hôn nhân không cùng tôn giáo chiếm khoảng 6% trong tổng số các cuộc hôn nhân⁴¹. Các hoạt động bác ái, từ thiện, giáo dục không chỉ dành riêng cho người đồng đạo mà hướng về tất cả những đối tượng đang ở trong hoàn cảnh khó khăn.

Và cuối cùng, qua mô tả trên đây về việc sử dụng các kỹ thuật hiện đại trong thánh lễ, việc liên kết các hoạt động giáo xứ qua Internet, các giáo xứ tại Tp. Hồ Chí Minh muốn kết hợp tính truyền thống với tính hiện đại trong tổ chức, hoạt động của mình. Đây là một trong các lý do giải thích sự tồn tại, sinh hoạt sôi nổi tại các cộng đồng giáo xứ hiện nay. Sự kết hợp này đáp ứng được nhu cầu của nhiều tầng lớp xã hội.

Vài nhận xét thay kết luận

Nhìn lại quan điểm của P. Berger về sự tan biến của các cộng đồng trong xã hội hiện đại không phải hoàn toàn không có cơ sở, đặc biệt khi quan sát (ví dụ) một số giáo xứ ở các nước phương Tây, hay các lễ hội cúng đình tại Tp. Hồ Chí Minh. Chúng chỉ còn là vết tích của các cộng đồng một thời đã tồn tại. Nhưng những dữ liệu như trình bày ở trên về các cộng đồng giáo xứ của người Công giáo ở Tp. Hồ Chí Minh cho thấy, phải chăng đây là một ngoại lệ đối với nhận định của P. Berger (?). Đồng thời, các dữ liệu trên cũng cho thấy một số luận điểm của lý thuyết thể tục hóa - cho rằng, vai trò và thực hành của tôn giáo giảm sút do quá trình đô thị hóa cũng không đứng vững và ngược lại, đã thực sự xảy ra một quá trình giải thể tục hóa (desecularization) - được hiểu như sự tiếp tục tồn tại, phát triển của tôn giáo, như mối quan tâm nhiều hơn đến vấn đề tâm linh và đề cao những giá trị tinh thần ngay trong chính xã hội hiện đại⁴².

Môi trường đô thị với quy mô càng ngày càng phát triển hình thành những xã hội đại chúng (mass society), trong đó con người cảm thấy cô đơn, tha hóa, phi chuẩn mực như É. Durkheim, M. Weber, G. Simmel, L. Wirth đã mô tả. Do vậy, các nhà khoa học xã hội, như Diana Kendall, đã đề xuất giải pháp để đối phó các hiện tượng trên của con người đô thị, đồng thời để tạo ý thức cộng đồng và bảo vệ căn tính cá nhân và tập thể, đó là tham gia các tiểu văn hóa như nhóm văn hóa, nghệ thuật, các nhóm cùng tộc người...⁴³. Và phải chăng con người tìm đến những cộng đồng, những nhóm văn hóa nhỏ - tiểu văn hóa, là để tìm lại chính mình qua những mối dây liên kết mà trường hợp các cộng đồng giáo xứ tại Tp. Hồ Chí Minh là một minh họa. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Người Công giáo trong Nam hiện nay thường gọi là “cộng đoàn”: “cộng đoàn giáo xứ X...”, “cộng đoàn dòng tu Y...”.
- 2 Dẫn lại trong J. Macionis (2012), *Sociology*, Pearson: 567.
- 3 G. Marshall (1998), *Dictionary of Sociology*, Oxford: Oxford University Press: 97.
- 4 Tòa Tổng Giám mục Sài Gòn - Tp. Hồ Chí Minh (2015), *Giáo luật*, điều 515, 518.
- 5 A. Edgar, P. Sedgwick (2008), *Culture Theory. The Key Concept*, 2nd Edition. Routledge: 340-341.
- 6 G. Marshall (1998), Sdd: 649.
- 7 Đỗ Quang Chính (2007a), *Hòa mình vào xã hội Việt Nam*, Antôn & Đuốc Sống, San Diego - Montréal; Đỗ Quang Chính (2007b), *Tản mạn lịch sử Giáo hội Công giáo Việt Nam*, Antôn & Đuốc Sống, San Diego - Montréal.
- 8 F. Houtard (1981), *Sociologie d'une commune vietnamienne - participation sociale, modele culturel, famille, religion*, Louvaine-la-Neuve.
- 9 Nguyễn Xuân Nghĩa (1990a), *Biến chuyển trong đời sống đạo của người Công giáo tại Tp. Hồ Chí Minh*, *Công giáo và Dân tộc*, số 760; Nguyễn Xuân Nghĩa (1990b), *Người Công giáo nhìn về vai trò của linh mục, của Ban Chấp hành giáo xứ và của chính mình*, *Công giáo và Dân tộc*, số 783; Nguyễn Xuân Nghĩa (2010), *Religion, État et Société: Trente cinq ans de sécularisme, sécularisation et désésecularisation chez les catholiques de HoChiMinh Ville (1975-2009)* (thèse de doctorat en sociologie), Toulouse: Université de Toulouse.
- 10 Nguyễn Hồng Dương (1992), “Đời sống đạo của người dân theo đạo Công giáo ở Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh”, *Xã hội học*. Nguyễn Hồng Dương còn có nhiều sách, bài về các làng Công giáo ở miền Bắc.
- 11 Nguyễn Đức Lộc (2013), *Cấu hình xã hội. Cộng đồng Công giáo Bắc di cư tại Nam Bộ. Từ kích thước cộng đồng đến kích thước cá nhân*, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
- 12 Giáo phận Xuân Lộc (2015), *Phúc trình khảo sát hiện trạng gia đình và giới trẻ Giáo phận Xuân Lộc sau 50 năm hình thành và phát triển (1965-2015)*, Giáo phận Xuân Lộc.
- 13 Lê Minh Tiến (2018), *Les Pratiques Religieuses et La Morale En Pratique Des Jeunes Catholiques Vietnamiens*. *Journal of Arts & Humanities*.
- 14 Từ năm 1844, Giáo hội thành lập Giáo phận Đông Đàng Trong: từ sông Gianh cho tới Lục Tĩnh; Giáo phận Tây Đàng Trong bao gồm: từ Di Linh, Lục Tĩnh (Đồng Nai, Gia Định, Định Tường, Long Hồ, An Giang, Hà tiên) đến Kampuchia, luôn cả phần đất Nam Lào.
- 15 Đỗ Quang Chính (2007b), Sdd: 246-247.
- 16 Đỗ Quang Chính (2007b), Sdd: 251.
- 17 Đỗ Quang Chính (2007b), Sdd: 241-242.
- 18 Nguyễn Xuân Nghĩa (1987), *Những đặc điểm và sự đóng góp của đồng bào Công giáo Tp. Hồ Chí Minh*, Ủy ban Đoàn kết Công giáo Tp. Hồ Chí Minh (1975-1987) (Tài liệu ronéo).
- 19 C. S. Fisher (1975), *Toward a subcultural theory of urbanism*, *American Journal of Sociology*, Vol. 80, N° 6, May: 1323.
- 20 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2004), *Giáo hội Công giáo Việt Nam - Niên giám 2004*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 425.

- 21 Nguyễn Nghi (2015), “Sống đạo Công giáo và ảnh hưởng của nó đối với xã hội Việt Nam (Tác động và ảnh hưởng của nghi lễ Công giáo tới sự phát triển văn hóa, xã hội)”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 12 (150): 96.
- 22 Nghiên cứu của Nguyễn Xuân Nghĩa năm 1989 (công bố năm 1990a), về các thực hành của người Công giáo tại một số giáo xứ tại Tp. Hồ Chí Minh, cho thấy tỷ lệ đi lễ ngày Chúa nhật: 95%; 1996: 95%; 2006: 92% (xem Nguyễn Xuân Nghĩa, 2010). Trong nghiên cứu của Nguyễn Hồng Dương (1992), tỷ lệ đi lễ Chúa nhật ở Hà Nội: 86%. Trong nghiên cứu của Đặng Nghiêm Vạn (2001), ở Việt Nam: 71%- 95%, tùy vùng, miền; ở Tp. Hồ Chí Minh: 89%. Theo nghiên cứu của Giáo phận Xuân Lộc (2015), tỷ lệ này ở Xuân Lộc là 96, 6%.
- 23 Từ xa xưa, trong Bí tích Rửa tội, các vị thừa sai đã có tinh thần hội nhập văn hóa: “Trong việc cử hành bí tích, các thừa sai Dòng Tên chỉ giữ thật chặt chẽ những điểm cốt yếu, còn những gì là phụ thuộc, thì chủ động tìm cách châm chước cho phù hợp với phong tục và nếp suy nghĩ của người Việt... chẳng hạn: Họ có thói quen bỏ muối trên bàn tay của người lớn, nam cũng như nữ, chứ không bỏ vào miệng, bởi vì dân chúng ở đây cho như vậy là chướng... Họ cũng không xúc dầu thánh trên ngực phụ nữ, sợ làm như thế các ông chồng sẽ ghen...” (Launay, *Histoire de la mission de la Cochinchine*, dẫn theo: Trương Bá Cần (2008), tập 1, tr. 17.
- 24 Ngẫm là từ Nôm lấy từ Ngâm trong Hán Việt, mang ý nghĩa là nhìn kỹ, ngẫm suy. Ngẫm cũng có âm khác là Ngẫm. Miền Bắc dùng từ Ngẫm, miền Nam dùng từ Ngẫm hay Gẫm (như suy gẫm). Tất cả đều có nghĩa là suy nghĩ kỹ. Từ Ngâm trong Hán Việt còn có nghĩa là đọc chậm, giọng ngân nga như ngâm thơ, ngâm vịnh. Do vậy từ Ngẫm xuất phát từ từ Ngâm cũng có nghĩa là vừa ngẫm nhìn vừa ngân nga.
- 25 Bùi Ngọc Thúy (1997), *Tìm hiểu cộng đồng Bình An, phường 6, quận 8, Tp. Hồ Chí Minh*, Luận văn tốt nghiệp cử nhân Xã hội học, Trường Đại học Mở Bán công, Tp. Hồ Chí Minh; Nguyễn Xuân Nghĩa hướng dẫn.
- 26 Trang web Giáo xứ Giáo họ Việt Nam: Giáo xứ Gia Định, cập nhật 2018.
- 27 Giáo xứ Mỹ Hòa, (cập nhật 2018): <http://giaoxugiaohovietnam.com/>, truy cập ngày 2/4/2019.
- 28 Được thành lập năm 1972, đây là đại học tư thục đầu tiên có phân khoa Kỹ thuật và Y khoa. Các phân khoa khác: Kinh Thương, Kỹ thuật Canh nông, Nhân văn Nghệ thuật. Ngoài ra, Giáo hội Công giáo Miền Nam còn có Viện Đại học Đà Lạt thành lập năm 1957, có 4 phân khoa đại học: Chính trị Kinh doanh, Khoa học, Sư phạm, Thần học và Văn khoa. Theo ước tính, từ năm 1957 đến 1975, viện đại học này đã đào tạo 26.551 người.
- 29 Năm 1965, một phần của Tổng Giáo phận Sài Gòn tách ra để thành lập hai giáo phận mới là Phú Cường và Xuân Lộc (Hội đồng Giám mục Việt Nam, 2004, tr. 695), do đó số lượng trường học tại Giáo phận Sài Gòn năm 1974 có giảm, nhưng quy mô về số lượng học sinh vẫn gia tăng.
- 30 Sau năm 1975 và kể từ năm 1990, Bộ Chính trị ra Nghị quyết 24 về công tác tôn giáo, xác định “Tôn giáo là vấn đề còn tồn tại lâu dài. Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới”, từ những năm 1995, trong các thư của Hội đồng Giám mục Việt Nam gửi Thủ tướng Chính phủ, ngoài những đề nghị liên quan đến những vấn đề mục vụ, luôn có đề nghị được tham gia vào lĩnh vực

giáo dục, xã hội (ví dụ, trong các thư đề ngày 01/10/1995; 18/10/1997; 29/12/2001... (Nguyễn Xuân Nghĩa, 2010, tr. 181-184.). Sau này, trong Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo (2016) có quy định các giáo hội có thể tham gia vào lĩnh vực giáo dục (Điều 55), nhưng đến nay Giáo hội Công giáo ở Việt Nam mới có Trường Cao đẳng Hòa Bình, Xuân Lộc (trường dạy nghề) bắt đầu tuyển sinh từ niên khóa 2018-2019.

- 31 Nguyễn Xuân Nghĩa, Nguyễn Gia Trần, 1989, tr. 18.
- 32 Ủy ban Đoàn kết Công giáo Tp. Hồ Chí Minh (2018), *Báo cáo tổng kết phong trào thi đua yêu nước trong đồng bào Công giáo và hoạt động của Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam Tp. Hồ Chí Minh nhiệm kỳ VII (2013-2018), phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ VIII (2018-2023)*.
- 33 Thái Thị Ngọc Dur, Nguyễn Xuân Nghĩa, Phạm Gia Trần (1998), *Contribution à l'étude sur les communautés urbaines d'HoChiMinh Ville: Éléments constitutants et dynamique sociale*. Ho Chi Minh Ville: Université Ouverte.
- 34 Ở đây chỉ nêu lên ý tưởng khái quát, về dữ liệu định lượng xin xem báo cáo gốc.
- 35 P. Gheddo (1970), *Catholiques et Bouddhistes au VietNam*, Paris: Alsatia: 189.
- 36 Tran Tam Tinh (1978), Dieu et César, *Les catholiques dans l'histoire du Vietnam*. Paris: Sudesasie: 107-117.
- 37 Nguyễn Xuân Nghĩa (2010), Sdd, tr. 336.
- 38 Nguyễn Xuân Nghĩa (2012), “Công đồng Vatican II (1962-2012), tính hiện đại và Giáo hội Công giáo Việt Nam”, *Công giáo và Dân tộc*, số 211.
- 39 R. D. Putnam (2000), *Bowling Alone. The Collapse and Revival of American Community*. New York: Simon & Schuster.
- 40 Nguyễn Xuân Nghĩa (1990a), Bdd, tr. 10.
- 41 Nguyễn Xuân Nghĩa (1990c), “Người giáo dân Thành phố với vấn đề hôn nhân và gia đình”, *Công giáo và Dân tộc*, số 784.
- 42 Nguyễn Xuân Nghĩa (2019), “Giải thể tục hóa. Khái niệm và sự kiện”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1.
- 43 D. Kendall (2004), *Social problems in a diverse society*, Pearson: 369.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trương Bá Cần (Chủ biên, 1996), *Công giáo Việt Nam sau quá trình 50 năm 1945-1995, Công giáo và Dân tộc*.
2. Trương Bá Cần (2008), *Lịch sử phát triển Công giáo ở Việt Nam*, tập I, II, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
3. Đỗ Quang Chính (2007a), *Hòa Minh vào xã hội Việt Nam*, San Diego - Montreal: An Tôn & Đuốc Sáng.
4. Đỗ Quang Chính. (2007b), *Tân mạn lịch sử giáo hội Công giáo Việt Nam*, San Diego - Montreal: Antôn & Đuốc Sáng.
5. Thái Thị Ngọc Dur, Nguyễn Xuân Nghĩa, Phạm Gia Trần (1998), *Contribution à l'étude sur les communautés urbaines d'HoChiMinh Ville: Éléments constitutants et dynamique sociale*. HCM Ville: Université Ouverte.
6. Nguyễn Hồng Dương (1992), “Đời sống đạo của người dân theo đạo Công giáo ở Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh”, *Xã hội học*.
7. Edgar A.; Sedgwick P. (2008), *Culture theory. The key concepts*, 2nd Edition, Routledge.

8. Fischer C. S. (1975), "Toward a subcultural theory of urbanism", *American Journal of Sociology*, Vol. 80, No. 6 (May), pp. 1319-1341.
9. Gheddo P. (1970). *Catholiques et bouddhistes au VietNam*, Alsatia, Paris.
10. Giáo phận Xuân Lộc (2015), *Phúc trình Khảo sát hiện trạng gia đình và giới trẻ giáo phận Xuân Lộc sau 50 năm hình thành và phát triển (1965-2015)*, Giáo phận Xuân Lộc.
11. Giáo xứ Đa Minh - Ba Chuông (2017), *50 năm tình Chúa tình người (1967-2017)*, Giáo xứ Đa Minh - Ba Chuông, Tp. Hồ Chí Minh.
12. Giáo xứ Tân Thái Sơn (Tp. Hồ Chí Minh) (2014), *Kỷ yếu 60 năm hình thành và phát triển giáo xứ Tân Thái Sơn (1954 - 2014)*, Giáo xứ Tân Thái Sơn, Tp. Hồ Chí Minh.
13. Houtart F.; Lemerrier G. (1981), *Sociologie d'une commune vietnamienne - participation sociale, modèle culturel, famille, religion*. Louvaine-la-Neuve.
14. Hội đồng Giám mục Việt Nam (2004), *Giáo hội Công giáo Việt Nam - Niên giám 2004*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
15. Đỗ Quang Hưng (2014), *Chính sách tôn giáo và nhà nước pháp quyền*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
16. Kendall D. (2004), *Social problems in a diverse society*, Pearson.
17. Le Minh Tien (2018), *Les Pratiques Religieuses et La Morale En Pratique Des Jeunes Catholiques Vietnamiens*. *Journal of Arts & Humanities*.
18. Nguyễn Đức Lộc (2013), *Cấu hình xã hội. Cộng đồng Công giáo bắc di cư tại Nam Bộ. Từ kích thước cộng đồng đến kích thước cá nhân*, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
19. Macionis J. (2012), *Sociology*, Pearson.
20. Marshall G. (1998). *Dictionary of Sociology*, Oxford University Press.
21. Nguyễn Nghị (2015), "Sống đạo Công giáo và ảnh hưởng của nó đối với xã hội Việt Nam (Tác động và ảnh hưởng của nghi lễ Công giáo tới sự phát triển văn hóa, xã hội)", *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 12 (150), tr. 96-106.
22. Nguyễn Xuân Nghĩa (1987), *Những đặc điểm và sự đóng góp của đồng bào Công giáo Tp. Hồ Chí Minh*, Ủy ban Đoàn kết Công giáo Tp. Hồ Chí Minh (1975-1987) (Tài liệu ronéo).
23. Nguyễn Xuân Nghĩa (1990a), "Biến chuyển trong đời sống đạo của người Công giáo tại Tp. Hồ Chí Minh", *Công giáo và Dân tộc*, số 760.
24. Nguyễn Xuân Nghĩa (1990b), "Người giáo dân nhìn về vai trò của linh mục, của Ban Chấp hành giáo xứ và của chính mình", *Công giáo và Dân tộc*, số 782.
25. Nguyễn Xuân Nghĩa (1990c), "Người giáo dân Thành phố với vấn đề hôn nhân và gia đình", *Công giáo và Dân tộc*, số 784.
26. Nguyen Xuan Nghia (2010), *Religion, État et Société: Trente cinq ans de sécularisme, sécularisation et désésecularisation chez les catholiques de HoChiMinh Ville(1975-2009) (thèse de doctorat en sociologie)*, Toulouse: Université de Toulouse.
27. Nguyễn Xuân Nghĩa (2012), "Công đồng Vatican II (1962-2012), tính hiện đại và Giáo hội Công giáo Việt Nam", *Công giáo và Dân tộc*, số 211, 121-144.
28. Nguyễn Xuân Nghĩa (2019), "Giải thể tục hóa. Khái niệm và sự kiện", *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1, 3-31.
29. Nguyễn Xuân Nghĩa, Nguyễn Gia Trần (1989), *13 năm tham gia xây dựng đất nước của giới Công giáo Tp. Hồ Chí Minh (1975 - 1989)*, Ủy ban Đoàn kết Công giáo Tp. Hồ Chí Minh (tài liệu Ronéo).

30. Putnam R. D. (2000), *Bowling alone. The Collapse and revival of american community*, New York: Simon & Schuster.
31. Bùi Ngọc Thúy (1997), *Tìm hiểu cộng đồng Bình An, phường 6, quận 8, Tp. Hồ Chí Minh*, Luận văn tốt nghiệp cử nhân Xã hội học, Trường Đại học Mở Bán công, Tp. Hồ Chí Minh; Nguyễn Xuân Nghĩa hướng dẫn.
32. Tòa Tổng Giám mục Sài Gòn - Tp. Hồ Chí Minh (2019), *Sổ tay 2019*, Tp. Hồ Chí Minh.
33. Tòa Tổng Giám mục Sài Gòn - Tp. Hồ Chí Minh (2015), *Quy chế Hội đồng mục vụ giáo xứ 2015*, Tp. Hồ Chí Minh.
34. Tran Tam Tinh (1978), *Dieu et César. Les catholiques dans l'histoire du Vietnam*, Paris: Sudesasie.
35. Ủy ban Đoàn kết Công giáo Tp. Hồ Chí Minh (2018), *Báo cáo tổng kết phong trào thi đua yêu nước trong đồng bào Công giáo và hoạt động của Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam Tp. Hồ Chí Minh nhiệm kỳ VII (2013-2018), phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ VIII (2018-2023)*.
36. Đặng Nghiêm Vạn (2001), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo tại Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Các trang web:

Giáo xứ Giáo họ Việt Nam: <http://giaoxugiaohovietnam.com/>, truy cập ngày 2/4/2019.

Tổng Giáo phận Sài Gòn - Tp. Hồ Chí Minh: <http://www.hdgmvietnam.com/chi-tiet/tgp-sai-gon-tp-hcm-31504>, truy cập ngày 2/4/2019.

Abstract

**CATHOLIC PARISH COMMUNITY IN HO CHI MINH CITY:
A SUBCULRURE APPROACH**

Nguyen Xuan Nghia

Faculty of Sociology

Ho Chi Minh City Open University

The Catholic parish in Ho Chi Minh City is a multi-linked community. It expresses the common characteristics of Catholicism in Vietnam, as well as, a distinct mark in the process of development. The Catholic parish community shows specific cultural features in comparison with the other urban communities. This study raises a question about urban communities in contemporary society.

Keywords: Community; Vietnamese Catholics; parish; subculture.